

TANAMYLATICID II NEW

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Thành phần được chất: Nhôm hydroxyd.....200 mg
(dưới dạng nhôm hydroxyd gel khô 261mg)
Magnesi hydroxyd.....200 mg
Simethicon.....25 mg

Thành phần tá dược: Avicel PH101, PVP.K30, Đường saccharose, Saccharin natri, Magnesi stearat.

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén nhai

Mô tả dạng bào chế: Viên nén tròn màu trắng đường kính 12,7mm, vị ngọt. Một mặt có vạch “/” được dập thẳng trên viên, một mặt trơn, cạnh và thành viên lành lặn.

Vạch chia chỉ nhằm mục đích bẻ ra cho dễ nhai nuốt, không chia thành các liều bằng nhau.

CHỈ ĐỊNH

Làm giảm các triệu chứng: ợ nóng, ợ chua, khó tiêu do thừa acid, đầy hơi, chướng bụng và khó chịu thường là do khí.

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Cách dùng:

Dùng bằng đường uống

Nên nhai kỹ viên thuốc trước khi nuốt.

Liều dùng:

Dùng cho người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên:

Nhai 2-4 viên. Lặp lại mỗi giờ nếu triệu chứng quay trở lại hoặc theo chỉ dẫn của bác sĩ

Trẻ em dưới 12 tuổi:

Tham khảo ý kiến bác sĩ.

Không dùng quá 12 viên trong vòng 24 giờ, hoặc sử dụng liều lượng tối đa trong hơn 2 tuần, ngoại trừ dưới sự tư vấn và giám sát của bác sĩ.

Ngừng sử dụng thuốc và tham khảo ý kiến bác sĩ nếu triệu chứng kéo dài hơn 2 tuần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn cảm với hoạt chất hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Bệnh nhân mắc bệnh thận.

- Bệnh nhân có chế độ ăn hạn chế magiê.

Cảnh báo đối với tá dược saccharose: Bệnh nhân mắc các rối loạn di truyền hiếm gặp về không dung nạp fructose, rối loạn hấp thu glucose-galactose hoặc thiếu hụt sucrase-isomaltase không nên sử dụng thuốc này.

Thuốc này có chứa dưới 1 mmol (23 mg) natri trong mỗi viên, về cơ bản được xem như “không chứa natri”.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai, chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ cho con bú, chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

Hợp chất magnesi – nhôm được sử dụng để làm giảm độ acid của dạ dày tương tác với nhiều loại thuốc, dẫn đến thay đổi độ acid và làm trống dạ dày, sự hấp thụ thuốc và hình thành các phức hợp không hấp thụ. Tương tác có thể giảm nếu dùng thuốc kháng acid 2 giờ trước bữa ăn hoặc 2 giờ sau khi dùng các loại thuốc khác.

Thuốc này có thể làm giảm sự tái hấp thu và tác dụng của các thuốc sau: tetracyclin, hợp chất quinolon, propranolol, atenol, captopril, isoniazid, ketoconazol, hợp chất nitrofurantoin có chứa sắt và phospho. Thuốc có thể có sự giảm bài tiết quinini và mecamlamin trong nước tiểu và tăng bài tiết salicylat qua nước tiểu. Ngoài ra, thuốc này còn làm giảm chuyển hóa ranitidin và famotidin ở gan. Nếu các hợp chất magnesi và nhôm được sử dụng cùng với nhựa natri polystyren sulfonat, tình trạng nhiễm kiềm toàn thân có thể xảy ra trong cơ thể. Nếu uống trái cây họ cam quýt hoặc nước ép của chúng đồng thời, sự hấp thụ nhôm có thể tăng lên.

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Các tác dụng phụ hiếm khi xảy ra. Magiê hydroxyd có trong Tanamylaticid II New kết hợp với nhôm hydroxyd có

thể ảnh hưởng đến tác dụng nhuận tràng của magiê hydroxyd. Vì vậy, đôi khi táo bón hoặc tiêu chảy có thể xảy ra. Khi chức năng thận bị suy giảm, tình trạng tăng magiê máu hoặc tích tụ nhôm có thể xảy ra trong cơ thể. Tần suất tác dụng phụ được xác định là: Rất phổ biến ($\geq 1/10$), phổ biến ($\geq 1/100, < 1/10$), không phổ biến ($\geq 1/1.000, < 1/100$), hiếm gặp ($\geq 1/10.000, < 1/1.000$), rất hiếm gặp ($< 1/10.000$) và không xác định (không thể ước tính từ dữ liệu có sẵn).

Phân loại theo hệ thống cơ quan	Tần suất	Phổ biến	Không phổ biến	Hiếm gặp	Không rõ tần suất
Rối loạn hệ thống miễn dịch					Phản ứng quá mẫn
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng				Tăng magiê máu, tích tụ nhôm	
Rối loạn tiêu hóa			Tiêu chảy, táo bón		

Báo cáo các tác dụng phụ nghi ngờ

Điều quan trọng là phải báo cáo các phản ứng phụ nghi ngờ được quan sát thấy sau khi đăng ký một sản phẩm thuốc, vì điều này cho phép theo dõi liên tục tỷ lệ lợi ích – nguy cơ của thuốc.

"Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ khi gặp các tác dụng không mong muốn như trên khi sử dụng thuốc hoặc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR) Quốc Gia. Địa chỉ: 13 - 15 Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội. Điện thoại: 024.3.9335.618; Fax: 024.3.9335642; Email: di.pvcenter@gmail.com".

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Quá liều:

Vô tình uống quá nhiều thuốc có thể gây buồn nôn và nôn.

Việc sử dụng kéo dài ở bệnh nhân suy thận có thể dẫn đến sự tích tụ nhôm trong cơ thể và gây ra bệnh loãng xương, bệnh não và bệnh cơ.

Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều:

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 10 vỉ x 10 viên (nhôm/PVC); Lọ 100 viên (PP); Lọ 200 viên (PP).

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG THUỐC

Điều kiện bảo quản : Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Điều kiện bảo quản sau khi mở nắp lọ: Lọ phải được đóng kín nắp ngay sau khi sử dụng, bảo quản nơi khô mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng : 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hạn dùng sau khi mở nắp lọ: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

TÊN, ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THUỐC THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THÀNH NAM TẠI BÌNH DƯƠNG

Số 60 đại lộ Độc Lập, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

ĐT: (0274) – 3767850

Fax: (0274) – 3767852

Văn phòng: Số 3A Đặng Tất, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Tp. HCM, ngày 27 tháng 05 năm 2025

KT/ Giám đốc

Phó Giám đốc



Ds. Nguyễn Quốc Chinh

